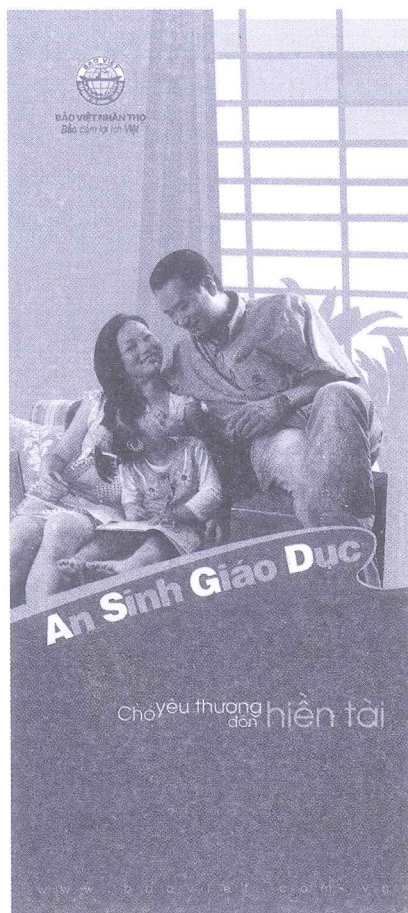




Tìm hiểu qui định về hoạt động đầu tư của các công ty bảo hiểm Trung Quốc và Việt Nam

TS. HỒ THỦY TIỀN

Sơ lược thị trường bảo hiểm Trung Quốc

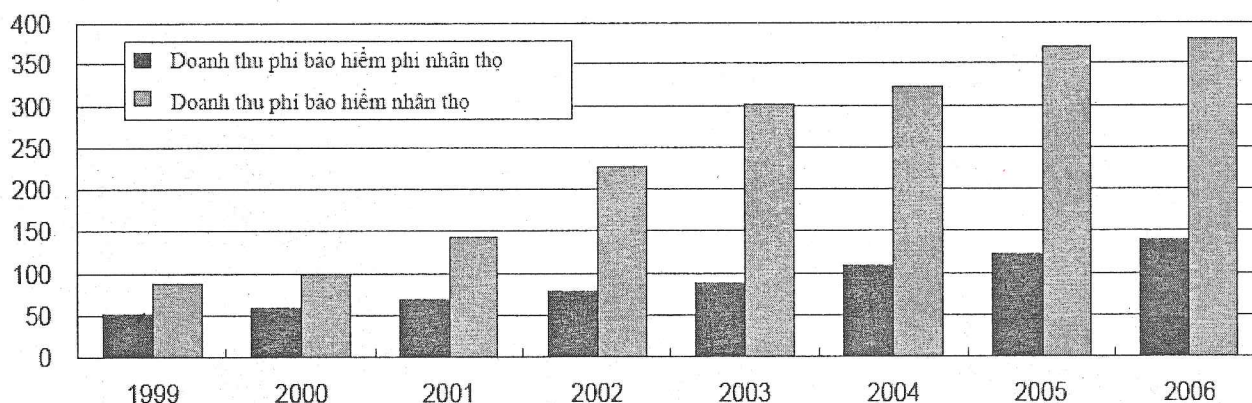
Trung Quốc (TQ) trong mấy thập kỷ đổi mới đã đạt được những thành tựu to lớn, đặc biệt là tốc độ tăng trưởng kinh tế trong những năm gần đây đứng đầu thế giới, nền kinh tế TQ tăng trưởng mạnh hơn bao giờ hết. Chính điều này đã thúc đẩy thị trường bảo hiểm TQ không ngừng lớn mạnh với sự hình thành các tập đoàn tài chính – bảo hiểm đủ sức vươn mình đầu tư vượt khỏi biên giới quốc gia và tiếp cận với thị trường bảo hiểm quốc tế.

Theo báo cáo của tổ chức Research and Markets,

thị trường bảo hiểm TQ bùng nổ vào năm 2004, đến cuối năm 2007 TQ có 8 tập đoàn tài chính – bảo hiểm, 105 công ty trong đó có 62 công ty trong nước, 43 công ty nước ngoài và 2.300 văn phòng đại diện hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm. Doanh thu phí thị trường bảo hiểm TQ năm 2006 đạt trên 500 tỷ NDT, trong đó phí bảo hiểm phi nhân thọ xấp xỉ đạt 140 tỷ NDT, chiếm 30% tỷ trọng doanh thu phí toàn thị trường, tốc độ tăng trưởng bình quân của giai đoạn này đạt là 16%.

Hình 1: Doanh thu phí thị trường bảo hiểm Trung Quốc giai đoạn 1999-2006

Đơn vị: Tỷ NDT



Nguồn: Nomura Institute of Capital Markets Research, CIRC và IIAC

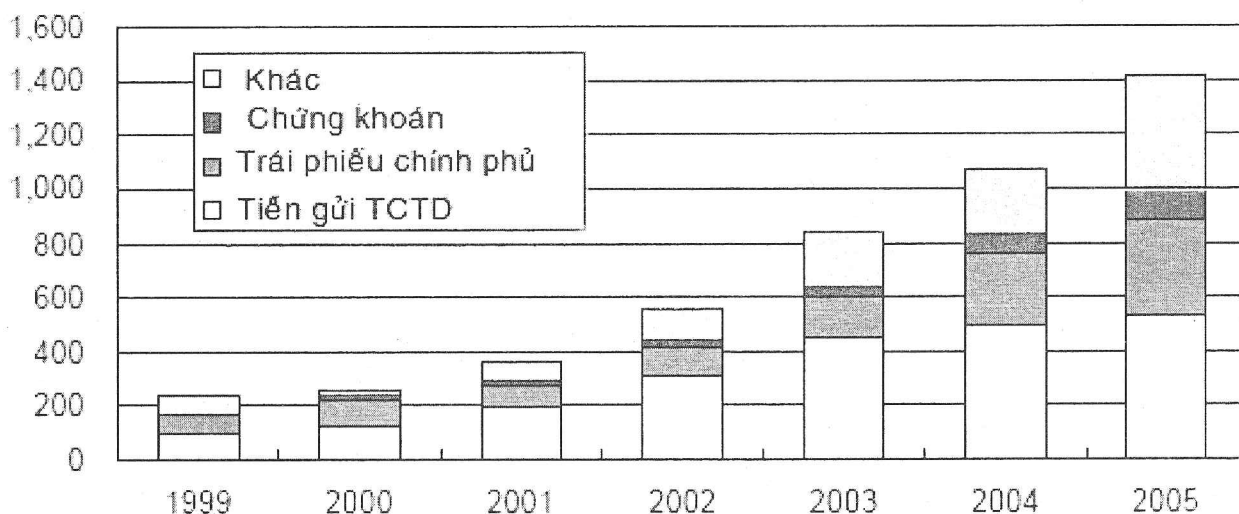
Qui định về hoạt động đầu tư của các công ty bảo hiểm TQ

Cùng với sự tăng trưởng về doanh thu phí bảo hiểm, hoạt động đầu tư cũng như qui định cho hoạt động đầu tư của các công ty bảo hiểm TQ có sự chuyển biến mạnh mẽ. Nếu như trước đây giới hạn đầu tư là một vấn đề kiềm chế khả năng tìm kiếm lợi nhuận của các công ty bảo hiểm, kể từ tháng 7/1999 các điều luật điều chỉnh hoạt động đầu tư đã được nới lỏng. Ngoài trái phiếu chính phủ và tiền gửi ngân hàng, các công ty bảo hiểm còn được phép đầu tư vào những quỹ công cộng, trái phiếu và cổ phiếu công ty. Điều này sẽ tạo được vị thế có lợi cho các công ty bảo hiểm và cả thị trường chứng khoán và trái phiếu trong nước.

Việc cho phép các công ty bảo hiểm TQ được đầu tư nhiều hơn vào các hạng mục tài sản mang tính rủi ro cao hơn trước đây như trái phiếu và cổ phiếu doanh nghiệp, đồng thời cơ quan quản lý bảo hiểm của TQ cũng đưa ra những qui định khá chặt chẽ để yêu cầu các công ty bảo hiểm bắt buộc phải đa dạng hóa danh mục đầu tư của mình nhằm hạn chế rủi ro. Bảng 1 cho thấy, lĩnh vực đầu tư vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu ngân hàng trung ương hoặc tiền gửi không bị khống chế về tỷ trọng vốn đầu tư do đây là những lĩnh vực đầu tư mang tính an toàn. Nhưng riêng về trái phiếu doanh nghiệp hoặc các chứng chỉ quỹ đầu tư cho đến trước năm 1999 các công ty bảo hiểm không được phép đầu tư và từ năm 1999 trở đi mới được phép đầu tư có giới hạn và chỉ đầu tư vào

Hình 2: Tỷ trọng đầu tư của công ty bảo hiểm nhân thọ Trung Quốc

Đơn vị: Tỷ NDT



Nguồn: Nomura Institute of Capital Markets Research, CIRC và IIAC

trái phiếu được xếp loại A. Đối với lĩnh vực đầu tư vào cổ phiếu thì mãi đến năm 2005 và bất động sản vào năm 2006 các công ty bảo hiểm TQ mới được phép đầu tư và với tỷ trọng vốn đầu tư vào các lĩnh vực này rất thấp.

Quy định về hoạt động đầu tư của các công ty bảo hiểm VN

Nghị định 46/2007 quy định về hoạt động của các công ty bảo hiểm như sau:

- Nguồn vốn đầu tư: bao gồm
 1. Nguồn vốn chủ sở hữu.
 2. Nguồn vốn nhân rồi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm.

3. Các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Đầu tư từ nguồn vốn chủ sở hữu

1. Việc đầu tư từ nguồn vốn chủ sở hữu phải bảo đảm an toàn, hiệu quả và tính thanh khoản theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được phép đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật đối với phần vốn chủ sở hữu vượt quá mức vốn pháp định hoặc biên khả năng thanh toán tối thiểu, tùy theo số nào lớn hơn.

- Nguồn vốn nhân rồi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm

1. Nguồn vốn nhân rồi từ dự phòng nghiệp vụ bảo

Bảng 3: Quy định về đa dạng hóa danh mục đầu tư vốn trong nước của các công ty bảo hiểm phi nhân thọ TQ qua các năm

	1995	1999	2000	2003	2004	2005	2006
Tiền gửi ngân hàng	O ^[1]	O	O	O	O	O	O
Trái phiếu chính phủ	O	O	O	O	O	O	O
Trái phiếu NH TW	O	O	O	O	O	O	O
Trái phiếu doanh nghiệp	X ^[1]	□ ^[1] (TP DNNN với mức xếp hạng ít nhất là AA+, giới hạn đầu tư tối đa 10% tổng tài sản)	□ (TP DNNN với mức xếp hạng ít nhất là AA+, giới hạn đầu tư tối đa 10% tổng tài sản)	□ (TP DN với mức xếp hạng ít nhất là AA+, giới hạn đầu tư tối đa 15% tổng tài sản)	□ (TP DN với mức xếp hạng ít nhất là AA+, giới hạn đầu tư tối đa 15% tổng tài sản)	□ (giới hạn đầu tư tối đa 30% tổng tài sản)	□ (giới hạn đầu tư tối đa 30% tổng tài sản)
Quỹ đầu tư chứng khoán	X	□ (giới hạn đầu tư tối đa 5% tổng tài sản)	□ (giới hạn đầu tư tối đa 10% tổng tài sản)	□ (giới hạn đầu tư tối đa 15% tổng tài sản)	□ (giới hạn đầu tư tối đa 15% tổng tài sản)	□ (giới hạn đầu tư tối đa 15% tổng tài sản)	□ (giới hạn đầu tư tối đa 15% tổng tài sản)
Cổ phiếu trong nước (hạng A)	X	X	X	X	□	□ (giới hạn đầu tư tối đa 5% tổng tài sản)	□ (giới hạn đầu tư tối đa 5% tổng tài sản) ^[2]
Đầu tư cơ sở hạ tầng, bất động sản	X	X	X	X	X	X	□ ^[3]

Ghi chú

[1]: O lĩnh vực cho phép đầu tư ; □ lĩnh vực cho phép đầu tư có điều kiện ; X lĩnh vực không cho phép đầu tư;

[2]: Đối với cổ phiếu sáp nhập trong các ngân hàng thương mại (bao gồm cổ phiếu sáng lập) được giới hạn tối đa 3% tổng tài sản đầu tư (tránh đầu tư ngược lại cổ phiếu ngân hàng khi công ty bảo hiểm thuộc sở hữu của ngân hàng nhằm hạn chế rủi ro);

[3]: Giới hạn đầu tư tối đa 5% tổng tài sản đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, 2% đối với phi nhân thọ.

Nguồn: Nomura Institute of Capital Markets Research, Nomura Securities Beijing Office, Nomura Securities Financial & Economic Research Center

hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm là tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm trừ các khoản tiền mà doanh nghiệp bảo hiểm dùng để bồi thường bảo hiểm thường xuyên trong kỳ đối với bảo hiểm phi nhân thọ, trả tiền bảo hiểm thường xuyên trong kỳ đối với bảo hiểm nhân thọ.

2. Khoản tiền dùng để bồi thường bảo hiểm thường xuyên trong kỳ đối với doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ không thấp hơn 25% tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm; đối với doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm nhân thọ không thấp hơn 5% tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm và được gửi tại các tổ chức tín dụng hoạt động tại VN.

• Đầu tư vốn nhân rồi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm

Đầu tư vốn nhân rồi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm được thực hiện trực tiếp bởi doanh nghiệp bảo hiểm hoặc thông qua uỷ thác đầu tư và chỉ được đầu tư tại VN trong các lĩnh vực sau:

a) Mua trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh, gửi tiền tại các tổ chức tín dụng không hạn chế;

b) Mua cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh, góp vốn vào các doanh nghiệp khác tối đa 35% đối với doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và 50% đối với doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm nhân thọ;

c) Kinh doanh bất động sản, cho vay tối đa 20% đối với doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và 40% đối với doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm nhân thọ.

So sánh qui định về hoạt động đầu tư của các công ty bảo hiểm TQ và VN

Đĩ nhiên mọi sự so sánh đều khập khiễng bởi vì thị trường bảo hiểm TQ và VN khác nhau về qui mô cũng như khác nhau về mục tiêu phát triển thị trường tài chính nói chung và thị trường bảo hiểm nói riêng. Nhưng nếu loại bỏ các nhân tố này và chỉ xem xét ở khía cạnh nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro trong hoạt động đầu tư của các công ty bảo hiểm thì rõ ràng các qui định về hoạt động đầu tư của các công ty bảo hiểm VN thoáng hơn rất nhiều và như vậy tiềm ẩn nhiều rủi ro hơn. Đơn cử:

- Các công ty bảo hiểm VN được đầu tư vào cổ phiếu rất sớm. Nên nhớ rằng thị trường chứng khoán VN bắt đầu hoạt động vào tháng 7/2000 thì Luật kinh doanh bảo hiểm cho phép các công ty bảo hiểm

được đầu tư vào cổ phiếu từ năm 2001. Tỷ trọng vốn đầu tư vào cổ phiếu tối đa là 35% và 50% cho công ty kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và nhân thọ. Trong khi đó, thị trường chứng khoán TQ có lịch sử phát triển lâu đời hơn nhiều so với VN nhưng phải đến năm 2005 các công ty bảo hiểm TQ mới được phép đầu tư vào cổ phiếu và tỷ trọng vốn đầu tư rất hạn chế.

- Cho đến thời điểm hiện nay, các chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán VN vẫn chưa được xếp hạng tín nhiệm vì thế mặc nhiên các công ty bảo hiểm VN đều được đầu tư vào các chứng khoán này với điều kiện tỷ trọng vốn đầu tư không được vượt quá theo qui định. Qui định của TQ chỉ cho phép các công ty bảo hiểm đầu tư vào các chứng khoán được xếp hạng loại A.

- Qui định của VN gom chung lĩnh vực đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu doanh nghiệp là một. Rõ ràng, mức độ rủi ro khi đầu tư vào cổ phiếu cao hơn nhiều so với trái phiếu. Qui định của TQ tách riêng lĩnh vực đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu doanh nghiệp với tỷ trọng vốn đầu tư khác nhau, trong đó giới hạn tỷ trọng vốn đầu tư vào cổ phiếu thấp hơn nhiều so với trái phiếu.

- Tương tự, lĩnh vực đầu tư vào bất động sản được cơ quan quản lý VN cho phép đầu tư từ rất sớm với tỷ trọng vốn khá lớn (40% và 20% cho công ty kinh doanh bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ) trong khi đó đến tận năm 2006, các công ty bảo hiểm TQ mới được phép đầu tư và tỷ trọng vốn thấp hơn nhiều (5% và 2% cho công ty kinh doanh bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ)

Các qui định “thoáng” trong hoạt động đầu tư của các công ty bảo hiểm VN nhằm mục tiêu tạo một kênh cung cấp vốn mới cho nền kinh tế như phân tích trên đây có thể làm cho các công ty bảo hiểm đang phải đối phó với nguy cơ mất khả năng thanh toán khi thị trường chứng khoán VN trong giai đoạn sụt giảm lâu dài và sự đóng băng của thị trường bất động sản như thời điểm hiện nay. Vì vậy, để tránh nguy cơ này, cơ quan quản lý cần xem xét lại những qui định này để có những điều chỉnh phù hợp nhằm tối thiểu hóa rủi ro cho hoạt động đầu tư của các công ty bảo hiểm VN ■

Tài liệu tham khảo:

Nomura Institute of Capital Markets Research, CIRC và IIAC
Nomura Institute of Capital Markets Research, Nomura Securities Beijing Office, Nomura Securities Financial & Economic Research Center